

VAI TRÒ CỦA XÃ HỘI HỌC TRONG NGHIÊN CỨU VĂN HÓA

ĐINH THỊ VÂN CHI*

Tóm tắt: Bài viết làm rõ vai trò của xã hội học trong nghiên cứu văn hóa thông qua ba phương diện. Thứ nhất, xã hội học cung cấp hệ khái niệm và phương pháp luận đặc thù để nghiên cứu văn hóa từ góc nhìn xã hội học, được các học giả Việt Nam vận dụng hiệu quả trong nhiều công trình cụ thể. Thứ hai, xã hội học cung cấp cơ sở thực tiễn để theo dõi, đánh giá và dự báo sự biến đổi văn hóa trong xã hội hiện đại, thông qua các nghiên cứu thực địa, khảo sát cộng đồng và phân tích cấu trúc-chức năng của các hiện tượng văn hóa. Thứ ba, xã hội học giúp kết nối nghiên cứu văn hóa với đời sống xã hội và nhu cầu thực tiễn của cộng đồng, thông qua việc ứng dụng tri thức văn hóa vào các lĩnh vực như quan hệ gia đình, làng nghề, tín ngưỡng, nghi lễ,... Nhờ đó, nghiên cứu văn hóa không chỉ khẳng định giá trị học thuật mà còn gia tăng tính ứng dụng và đóng góp trực tiếp vào phát triển cộng đồng.

Từ khoá: chính sách văn hóa, nghiên cứu văn hóa, phương pháp liên ngành, ứng dụng văn hóa, xã hội học văn hóa.

Nhận bài: 10/7/2025

Gửi phản biện: 16/7/2025

Duyệt đăng: 29/8/2025

Mở đầu

Văn hóa là một lĩnh vực phức hợp, đan xen giữa truyền thống và hiện đại, giữa biểu tượng và hành vi, giữa cái thiêng và cái đời thường. Việc nghiên cứu văn hóa từ lâu vốn gắn bó chặt chẽ với các ngành khoa học xã hội và nhân văn như nhân học, dân tộc học, sử học, ngôn ngữ học, mỹ học. Những phương pháp tiếp cận đặc thù như phân tích văn bản, khảo tả dân tộc học, nghiên cứu hình tượng nghệ thuật hay nghiên cứu trường hợp (case study) đã từng giữ vai trò chủ đạo trong việc lý giải thế giới biểu tượng và không gian tinh thần của các cộng đồng.

Tuy nhiên, trong những thập niên gần đây, cùng với quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế tri thức và yêu cầu hiện đại hóa công tác quản lý văn hóa, phương pháp luận khoa học xã hội thực chứng - đặc biệt là xã hội học - đã ngày càng chứng tỏ sức mạnh của mình. Những vấn đề mới nảy sinh trong đời sống văn hóa đương đại như: hành vi tiêu dùng văn hóa số, sự biến đổi của giá trị gia đình, vai trò của không gian sáng tạo, hay biểu hiện văn hóa của các nhóm yếu thế,... đòi hỏi phải có những công cụ khảo sát, đo lường, phân tích

* Trường Đại học Văn hóa.

dữ liệu một cách hệ thống và khách quan. Chính trong bối cảnh đó, xã hội học đã bước vào không gian nghiên cứu văn hóa không chỉ như một người hỗ trợ phương pháp, mà ngày càng như một bạn đồng hành lý luận với những đóng góp rõ rệt.

1. Xã hội học cung cấp hệ khái niệm và phương pháp luận nghiên cứu văn hóa từ góc nhìn xã hội học

1.1. Cung cấp hệ khái niệm cho nghiên cứu văn hóa

Xã hội học, ngay từ khi hình thành, đã đặt ra nhiệm vụ lý giải cách con người sinh sống, hành động và tương tác trong các hệ thống xã hội. Trong quá trình đó, xã hội học đã tạo dựng một hệ thống khái niệm lý luận cơ bản, đóng góp một cách hữu ích cho các nghiên cứu văn hóa.

Một khái niệm khác có ý nghĩa phương pháp luận đặc biệt của xã hội học văn hóa là “thời gian rỗi” (*leisure time*) - vốn xuất phát từ xã hội học lao động và xã hội học văn hóa phương Tây giữa thế kỷ XX. Joffre Dumazedier (1962) đã xác định thời gian rỗi là khoảng thời gian cá nhân có thể tự do lựa chọn hoạt động nhằm nghỉ ngơi, phát triển bản thân và tham gia xã hội, tách biệt với thời gian lao động hoặc nghĩa vụ gia đình. “Thời gian rỗi” trở thành cơ sở nhận diện và phân tích các hành vi văn hóa ngoài phạm vi lao động, từ giải trí, tiêu dùng văn hóa đến xây dựng bản sắc cá nhân trong xã hội hiện đại.

Tại Việt Nam, một trong những học giả đầu tiên nghiên cứu văn hóa từ góc tiếp cận của xã hội học là Đoàn Văn Chúc. Trong những thập niên cuối của thế kỷ trước, trong những bài giảng của mình tại Trường Đại học Văn hóa Hà Nội, ông đã phân tích sâu sắc khái niệm “thời giờ rỗi”, sau đó, hệ thống hóa nó trong giáo trình Xã hội học văn hóa (1997), như một thành phần cơ bản cấu thành hoạt động văn hóa. Học trò của ông, Đinh Thị Vân Chi đã vận dụng và phát triển sâu khái niệm “thời gian rỗi” trong luận án tiến sĩ của mình (2001) và sau đó là trong cuốn sách “Nhu cầu giải trí của thanh niên” (2003), đặt thời gian rỗi như một trục phân tích hành vi giải trí gắn với lối sống đô thị.

Từ nền tảng phân tích thời gian rỗi, xã hội học tiếp tục phát triển khái niệm “nhu cầu giải trí” như một nhu cầu xã hội đặc thù, gắn với đời sống tinh thần của con người hiện đại. Khái niệm này được hình thành từ giao điểm giữa xã hội học thời gian rỗi (Dumazedier, 1962) và tâm lý học động cơ (Maslow, 1943), trong đó giải trí được nhìn nhận như một biểu hiện của nhu cầu cấp cao - liên quan đến thẩm mỹ, sáng tạo và tự thể hiện bản thân.

Tại Việt Nam, trong khi học giả Đoàn Văn Chúc sử dụng khái niệm “hoạt động rỗi” thì Đinh Thị Vân Chi là người đầu tiên đưa khái niệm “nhu cầu giải trí” vào nghiên cứu thực chứng trong luận án tiến sĩ của mình (2001), và phát triển thành hệ khái niệm lý luận trong cuốn sách đã nêu (2003). Trong hai công trình của mình, tác giả đã làm rõ đặc điểm, cấu trúc và điều kiện hình thành nhu cầu giải trí, đồng thời phân tích mối quan hệ giữa nhu cầu giải trí và thời gian rỗi, hệ giá trị, điều kiện sống và môi trường đô thị. Sự xuất hiện của khái niệm “nhu cầu giải trí” đánh dấu bước tiến quan trọng trong việc xã hội học hóa nghiên

cứu văn hóa tinh thần, cho phép nhận diện những động lực sâu xa chi phối hành vi văn hóa trong xã hội hiện đại, đặc biệt ở các nhóm xã hội trẻ.

Khái niệm “hành động xã hội” của Max Weber chính là nền tảng để hiểu con người không chỉ hành động theo bản năng hay điều kiện vật chất, mà còn theo những ý nghĩa và mục đích mà họ tự gán cho hành vi của mình. Weber nhấn mạnh, xã hội học nghiên cứu hành động có định hướng đến người khác và mang ý nghĩa chủ quan (Weber, 1978). Chính cách tiếp cận này đã được nhiều nhà nghiên cứu văn hóa Việt Nam kế thừa, ví dụ Trịnh Văn Tùng phân tích hành vi ứng xử nơi công cộng như một biểu hiện của bản sắc văn hóa, nghĩa là hành động không chỉ là của cá nhân mà là phản ánh hệ giá trị xã hội (Trịnh Văn Tùng, 2022).

Từ khái niệm hành động xã hội phát triển thành lý thuyết “vai trò xã hội”, nghĩa là tập hợp các mong đợi mà xã hội gán cho mỗi vị trí xã hội. Khi cá nhân thực hiện một vai trò, họ đồng thời tái sản xuất các chuẩn mực văn hóa gắn với vai đó. Trương Xuân Trường đã sử dụng khái niệm này để phân tích vai trò văn hóa cộng đồng trong chương trình xây dựng nông thôn mới, từ đó cho thấy giá trị và quyền lực văn hóa được gán vào các vai trò xã hội như người cao tuổi, cán bộ xã, đại diện dòng họ (Trương Xuân Trường, 2019).

Tiếp đến là khái niệm “cấu trúc xã hội”, được hình thành từ Durkheim và trường phái chức năng. Xã hội học nhìn văn hóa như một bộ phận của cấu trúc xã hội, nghĩa là hệ thống quan hệ gắn bó giữa các thiết chế, giai tầng, nhóm xã hội. Từ khái niệm này, nhiều học giả Việt Nam, như nhà nghiên cứu Đoàn Văn Chúc, đã xây dựng phương pháp tiếp cận cấu trúc-chức năng trong nghiên cứu văn hóa dân gian, coi lễ hội, phong tục hay tín ngưỡng là một phần trong cơ chế tổ chức xã hội (Đoàn Văn Chúc, 1997). Trịnh Văn Tùng cũng phát triển các khái niệm cấu trúc xã hội trong giáo trình đại cương để trang bị nền tảng lý luận cho phân tích văn hóa (Trịnh Văn Tùng, 2015).

Một khái niệm đặc trưng khác là “chuẩn mực xã hội”, tức các quy tắc hành vi được cộng đồng chấp nhận. Durkheim từng cảnh báo rằng khi chuẩn mực tan rã, xã hội rơi vào trạng thái *anomie* (Durkheim, 1897/1951). Các nhà xã hội học Việt Nam đã sử dụng khái niệm này để phân tích hiện tượng lệch chuẩn văn hóa. Chẳng hạn, Nguyễn Đức Chiện khi khảo sát đời sống thanh niên đã chỉ ra sự thay đổi trong các chuẩn mực truyền thống về tình yêu, hôn nhân dưới tác động của toàn cầu hóa (Nguyễn Đức Chiện & Lê Thị Hồng Gái, 2024).

Khái niệm “xã hội hóa” - quá trình cá nhân tiếp nhận và thực hành văn hóa để từ con người sinh học trở thành con người xã hội - là một khái niệm thiết yếu của xã hội học. Xã hội hóa là cơ chế duy trì văn hóa liên tục qua các thế hệ, và cũng là nơi văn hóa biến đổi. Mai Văn Hai đã khẳng định: con người vừa là chủ thể sáng tạo, vừa là sản phẩm của văn hóa, thông qua các tác nhân như gia đình, trường học, truyền thông (Mai Văn Hai, 2009). Đây cũng là hướng tiếp cận trong nhiều nghiên cứu về văn hóa giáo dục, truyền thông đại chúng, hay lễ nghi gia đình ở nông thôn.

Pierre Bourdieu đã phát triển khái niệm “habitus” (tập tính), chỉ những thiên hướng hành động bền vững được hình thành qua trải nghiệm xã hội (Bourdieu, 1990). Trương Xuân Trường ứng dụng khái niệm này để lý giải hành vi tiêu dùng, hành xử nơi công sở và lối sống đô thị ở Việt Nam (Trương Xuân Trường, 2018). Habitus giúp nhận diện sự lặp lại, khuôn mẫu văn hóa đặc trưng của từng tầng lớp, từng nhóm xã hội - điều rất khó nắm bắt nếu chỉ tiếp cận văn hóa như một hệ biểu tượng trừu tượng.

Cuối cùng, khái niệm “tiểu văn hóa” - cũng xuất phát từ xã hội học - mô tả các nhóm văn hóa nhỏ tồn tại trong lòng xã hội lớn. Khái niệm này cho phép người nghiên cứu nhìn thấy tính đa dạng nội sinh trong văn hóa, như sự khác biệt giữa các nhóm dân tộc, thế hệ, vùng miền hoặc nghề nghiệp. Nguyễn Đức Chiện và Mai Văn Hai khi khảo sát cộng đồng dân tộc và vùng nông thôn đã cho thấy rõ: sự tồn tại của tiểu văn hóa không làm suy yếu văn hóa chung, mà ngược lại, là nguồn lực làm phong phú và năng động thêm bản sắc văn hóa dân tộc (Nguyễn Đức Chiện & Lê Thị Hồng Gái, 2024; Mai Văn Hai, 2009).

Từ hệ khái niệm trên có thể khẳng định: chính xã hội học, với nền tảng lý luận và khái niệm đặc trưng của mình, đã cung cấp bộ công cụ nhận thức không thể thiếu cho nghiên cứu văn hóa. Những khái niệm này không chỉ giúp mô tả tốt hơn các hiện tượng văn hóa, mà còn giúp phân tích động lực, biến đổi và bản sắc của chúng trong lòng xã hội cụ thể.

1.2. Cung cấp phương pháp nghiên cứu văn hóa từ góc nhìn xã hội học

Khác với các ngành nghiên cứu văn hóa truyền thống vốn dựa nhiều vào cảm nhận nghệ thuật, miêu tả dân tộc học hoặc diễn giải văn bản cổ, xã hội học cung cấp hệ phương pháp nghiên cứu định tính và định lượng khoa học, giúp quá trình nghiên cứu văn hóa vượt ra khỏi những nhận định dựa trên chiều sâu văn hóa, trực giác nghệ thuật hay sự mô tả chủ quan. Việc thiết kế nghiên cứu có kiểm soát, đặt ra câu hỏi xã hội học rõ ràng (ai? cái gì? vì sao? với tần suất nào?), đồng thời thu thập bằng chứng thực nghiệm từ các nhóm người cụ thể trong các bối cảnh xã hội cụ thể không chỉ làm rõ đặc điểm của hiện tượng văn hóa, mà còn cho phép định lượng xu hướng, xác định mối quan hệ nhân quả, kiểm nghiệm giả thuyết khoa học, từ đó nâng cao tính khái quát và khả năng áp dụng thực tiễn của kết quả nghiên cứu.

Một ví dụ cho thấy rõ xã hội học không chỉ cung cấp khái niệm mà còn trang bị phương pháp tiếp cận thực chứng cho nghiên cứu văn hóa là luận án tiến sĩ “Thực hành văn hóa của cư dân tại khu tái định cư ven biển Kỳ Anh sau quá trình chuyển giao đất” (Nguyễn Thị Hằng, 2023). Mặc dù thuộc chuyên ngành văn hóa học, luận án này đã vận dụng toàn bộ hệ công cụ phương pháp xã hội học, bao gồm khảo sát thực địa, quan sát tham dự, phỏng vấn sâu và phân tích định tính theo chủ đề. Trên cơ sở đó, tác giả không chỉ mô tả các biểu hiện văn hóa sau tái định cư, mà còn phân loại rõ ba nhóm thực hành văn hóa - gồm sinh kế, đời sống thường nhật và tín ngưỡng dân gian - từ đó phân tích sự thay đổi cấu trúc văn hóa trong điều kiện không gian-xã hội mới. Điều đáng chú ý là toàn bộ luận án triển khai

theo lối phân tích hệ thống-cấu trúc: coi thực hành văn hóa là một chỉnh thể vận động gắn với điều kiện sống, tổ chức cộng đồng và quan hệ thiết chế xã hội. Nhờ vận dụng phương pháp xã hội học, nghiên cứu đã vượt ra khỏi mô tả biểu tượng hay nghi lễ, để tiếp cận văn hóa như một hệ thống quan hệ xã hội cụ thể, phản ánh sự thích ứng của cộng đồng trong hoàn cảnh biến động kinh tế-xã hội. Đây là một ví dụ điển hình cho năng lực của xã hội học trong việc cung cấp phương pháp nghiên cứu văn hóa mang tính thực chứng, có khả năng lý giải và phục vụ hoạch định chính sách văn hóa ở cấp cộng đồng.

Thêm một minh chứng cho năng lực phương pháp luận của xã hội học là luận án tiến sĩ về văn hóa ứng xử với người đã mất tại Thành phố Hồ Chí Minh (Nguyễn Thị Kim Hoa, 2019). Công trình này đã triển khai phương pháp khảo sát và phân tích định lượng kết hợp định tính, nhận diện cấu trúc ba thành tố - tang ma, mộ phần, thờ cúng - như một hệ thống biểu hiện văn hóa có quan hệ mật thiết với cấu trúc xã hội, thiết chế gia đình và quá trình đô thị hóa. Nhờ đó, nghiên cứu vượt ra khỏi mô tả nghi lễ để phân tích động lực xã hội và biến đổi văn hóa, là minh chứng tiêu biểu cho cách xã hội học trang bị phương pháp cho nghiên cứu văn hóa hiện đại.

Chính nhờ phương pháp nghiên cứu của xã hội học, các công trình đã vượt qua lối mô tả thuần túy để tiếp cận giá trị như một dạng “chất liệu cấu trúc xã hội”, được định hình bởi các thiết chế (gia đình, nhà trường, truyền thông) và bị tác động bởi các yếu tố ngoại sinh. Hệ phương pháp xã hội học không chỉ giúp nhận diện sự thay đổi trong lựa chọn giá trị của các nhóm xã hội, mà còn cung cấp công cụ để đo lường mức độ phổ biến, mức độ ưu tiên và mâu thuẫn giá trị trong đời sống đương đại. Đây chính là minh chứng tiêu biểu cho năng lực của xã hội học trong việc cung cấp nền tảng phương pháp luận khoa học xã hội cho các nghiên cứu văn hóa, giúp nâng cao tính lý giải, khả năng khái quát và ứng dụng chính sách của các kết quả nghiên cứu.

Từ hai trường hợp trên, có thể thấy rằng: phương pháp xã hội học không chỉ là kỹ thuật nghiên cứu, mà là cách tiếp cận học thuật làm thay đổi bản chất của quá trình nhận thức văn hóa. Khi nghiên cứu văn hóa được trang bị công cụ định lượng và định tính đầy đủ, các kết luận khoa học sẽ không còn mang tính trực cảm hoặc phụ thuộc vào uy tín của tác giả, mà có thể được kiểm chứng, lặp lại và đối sánh, phù hợp với chuẩn mực của một nền khoa học phát triển.

2. Cung cấp cơ sở thực tiễn để theo dõi, đánh giá và dự báo sự biến đổi văn hóa trong xã hội hiện đại

2.1. Theo dõi sự vận động của văn hóa

Khác với những mô tả văn hóa tĩnh tại một thời điểm, xã hội học nhấn mạnh quá trình biến đổi và động lực xã hội tạo ra sự biến đổi đó. Các khái niệm như “biến đổi xã hội”, “dịch chuyển giá trị”, “thay đổi hành vi tiêu dùng văn hóa”, hay “tính cố kết cộng đồng”, đều là các trục phân tích nền tảng cho việc theo dõi chiều sâu và tốc độ của sự biến đổi.

Điều quan trọng là xã hội học không chỉ mô tả sự biến đổi mà còn xác định nguyên nhân xã hội, nhóm ảnh hưởng, và hệ quả văn hóa-xã hội của quá trình này.

Ví dụ, luận án tiến sĩ xã hội học “Những biến đổi văn hóa và tính cố kết cộng đồng hiện nay: Nghiên cứu trường hợp dân tộc Mường tại tỉnh Hòa Bình” (Nguyễn Thị Hằng, 2016) đã triển khai một cách bài bản các phương pháp xã hội học để làm rõ quá trình biến đổi văn hóa tộc người thiểu số trong bối cảnh công nghiệp hóa và hội nhập. Tác giả đã tiến hành khảo sát định lượng và phỏng vấn sâu với người dân Mường ở các xã đang đô thị hóa nhanh, từ đó chỉ ra sự dịch chuyển trong cấu trúc giá trị: từ hệ giá trị cộng đồng-truyền thống sang xu hướng cá nhân hóa, vật chất hóa và thực dụng hơn ở thế hệ trẻ. Đặc biệt, luận án còn làm rõ sự suy giảm tính cố kết cộng đồng, thể hiện qua sự suy yếu của các thiết chế truyền thống, trong khi các hoạt động cộng đồng mới lại chưa hình thành được cơ chế thay thế hiệu quả. Các phát hiện này chỉ có thể đạt được thông qua theo dõi diễn biến hành vi và chuẩn mực qua thời gian, chứng minh năng lực của xã hội học trong việc nắm bắt xu hướng chuyển đổi văn hóa ở cấp độ cộng đồng.

Trong luận án tiến sĩ xã hội học “Chợ nông thôn châu thổ sông Hồng trong quá trình chuyển đổi kinh tế-xã hội thời kỳ Đổi Mới (Nghiên cứu trường hợp chợ Ninh Hiệp, Hữu Bằng, Thổ Tang)” của Lê Thị Mai (2004), văn hóa được tiếp cận như một phần của đời sống xã hội-kinh tế truyền thống, chịu tác động mạnh mẽ từ cơ chế thị trường, đô thị hóa và thay đổi mạng lưới tiêu dùng. Qua khảo sát ba chợ vùng Đồng bằng sông Hồng, tác giả chỉ ra rằng chợ quê không chỉ là nơi giao thương, mà còn là thiết chế văn hóa-xã hội-cộng đồng, phản ánh rõ biến đổi về thị hiếu, tập quán, mối quan hệ làng xã và cách thức người dân tổ chức không gian sống. Luận án đã sử dụng phân tích so sánh theo thời gian để làm nổi bật sự dịch chuyển từ quan hệ dựa trên tín nhiệm, huyết thống, phong tục,... sang quan hệ kinh tế-hợp đồng, mang tính thực dụng và cạnh tranh. Từ đó, đặt ra câu hỏi xã hội học quan trọng: Liệu sự chuyển đổi mô hình chợ có dẫn đến đứt gãy văn hóa cộng đồng, hay là quá trình tái cấu trúc giá trị văn hóa trong điều kiện mới?

Hai ví dụ trên cho thấy một điều cốt lõi: xã hội học không dừng ở việc khảo tả hiện tượng văn hóa, mà tập trung vào động lực chuyển hóa, xu hướng biến đổi và hệ quả xã hội của những thay đổi đó. Nhờ vậy, các nhà quản lý văn hóa có thể nắm bắt được những biến đổi trong hành vi và hệ giá trị, từ đó đưa ra chính sách phù hợp với nhóm xã hội cụ thể, giai đoạn cụ thể, thay vì áp dụng một mô hình cứng nhắc cho một xã hội đang vận động nhanh chóng.

2.2. Đánh giá tác động của văn hóa

Trong tiến trình phát triển văn hóa, đặc biệt trong bối cảnh hiện đại hóa và hội nhập, nhiều chính sách văn hóa, sản phẩm truyền thông và xu hướng thẩm mỹ mới đã được triển khai nhằm thúc đẩy sáng tạo, bảo tồn bản sắc và nâng cao mức hưởng thụ văn hóa của người dân. Tuy nhiên, không phải chính sách hay sản phẩm nào cũng đạt được hiệu quả như kỳ vọng. Những câu hỏi quan trọng như: Ai thực sự được hưởng lợi từ chính sách văn

hóa? Sản phẩm văn hóa có gây ra tác dụng phụ xã hội nào không? Trào lưu thẩm mỹ có củng cố hay phá vỡ hệ giá trị truyền thống?... lại thường ít khi được đề cập trong các nghiên cứu thuộc các chuyên ngành nghệ thuật.

Ở điểm này, xã hội học văn hóa phát huy thế mạnh đặc thù: tiếp cận văn hóa như một hiện tượng xã hội có tác động đến hành vi, giá trị và quan hệ xã hội của con người; và sử dụng các phương pháp thực chứng để đánh giá tác động văn hóa-xã hội một cách hệ thống, khách quan và thực tiễn.

Ví dụ, luận án tiến sĩ “Sự biến đổi văn hóa làng nghề truyền thống ở Hà Nội hiện nay (qua trường hợp làng Triều Khúc và Thiết Úng)” của Nguyễn Thị Bích Thủy (2015) dù thuộc ngành văn hóa học, nhưng đã tích hợp phương pháp luận và tư duy phân tích xã hội học để đánh giá tác động của chính sách phát triển làng nghề và sự can thiệp của truyền thông-du lịch-quảng bá văn hóa đến thực hành văn hóa truyền thống của cư dân làng nghề. Luận án chỉ ra rằng, mặc dù các chính sách phục dựng nghề truyền thống và quảng bá văn hóa phi vật thể được triển khai với mục tiêu “bảo tồn bản sắc”, nhưng trong thực tế, nhiều sản phẩm và nghi thức bị sân khấu hóa, thương mại hóa và rời xa chức năng xã hội-tâm linh ban đầu, tác động trực tiếp đến nhận thức giá trị của lớp trẻ, đồng thời làm xuất hiện sự gián đoạn trong truyền thụ kỹ năng và tri thức nghề giữa các thế hệ.

Chính việc sử dụng phương pháp khảo sát xã hội học và phỏng vấn cư dân trong cộng đồng làng nghề đã giúp luận án đưa ra đánh giá sắc sảo về hệ quả xã hội hai mặt của chính sách văn hóa, điều mà các tiếp cận thuần túy chỉ từ góc độ lịch sử, văn hóa dân gian hay dân tộc học chưa đủ khả năng phát hiện.

Tương tự, Đề tài cấp Bộ “Tác động của thực hành tín ngưỡng và hoạt động lễ hội đến lối sống con người Việt Nam trong thời kỳ công nghiệp hóa-hiện đại hóa và hội nhập quốc tế” (Nguyễn Thị Hiền, 2019) là một minh chứng tiêu biểu cho năng lực của xã hội học trong việc đánh giá tác động xã hội của văn hóa. Thay vì chỉ tiếp cận lễ hội như một hiện tượng dân gian hoặc nghi lễ đơn lẻ, đề tài đã đặt thực hành tín ngưỡng vào mối quan hệ với các thiết chế xã hội và sự vận động của lối sống cộng đồng đương đại. Thông qua khảo sát nhiều địa phương, đề tài đã chỉ ra rằng lễ hội không chỉ bảo tồn các giá trị truyền thống như gắn kết cộng đồng, củng cố bản sắc địa phương, mà còn phát sinh nhiều hệ quả xã hội mới như xu hướng thương mại hóa tín ngưỡng, cạnh tranh biểu tượng và xung đột giá trị giữa thế hệ trẻ với cộng đồng cư dân gốc. Phương pháp luận xã hội học, với hệ công cụ như khảo sát định tính, phỏng vấn sâu và phân tích diễn ngôn, đã cho phép làm rõ những biến đổi này một cách có hệ thống và khách quan. Từ đó, đề tài không chỉ góp phần nhận diện những vấn đề xã hội phát sinh từ thực hành văn hóa, mà còn đưa ra các khuyến nghị chính sách cụ thể cho việc quản lý và định hướng phát triển lễ hội trong thời kỳ hội nhập, là một ví dụ điển hình cho khả năng của xã hội học trong việc đánh giá toàn diện tác động của văn hóa đối với đời sống cộng đồng.

Hai ví dụ trên chứng minh rõ ràng: xã hội học có khả năng đánh giá tác động của chính sách và sản phẩm văn hóa đến các nhóm xã hội khác nhau, cả về mức độ ảnh hưởng và cơ chế tác động, giúp trả lời những câu hỏi về hiệu quả xã hội, công bằng tiếp cận và biến đổi hành vi-giá trị, vốn là những câu hỏi sống còn cho một nền văn hóa hướng đến phát triển bền vững.

3. Gắn kết văn hóa với đời sống xã hội và nhu cầu thực tiễn của cộng đồng

3.1. Mở rộng nghiên cứu văn hóa vào các lĩnh vực phát triển xã hội

Trong các tiếp cận truyền thống, văn hóa thường được giới hạn trong các lĩnh vực nghệ thuật, phong tục hoặc di sản, chủ yếu dưới góc nhìn dân gian, lịch sử hoặc nghệ thuật học. Cách tiếp cận này tuy cần thiết để bảo tồn những giá trị tinh thần, nhưng lại thiếu khả năng lý giải các mối quan hệ chức năng và tương tác giữa văn hóa với các lĩnh vực khác như kinh tế, giáo dục, truyền thông hay chính trị. Chính vì vậy, xã hội học, với tư cách là một khoa học nghiên cứu cấu trúc và động học xã hội, đã mở ra khả năng tiếp cận văn hóa như một hệ thống thiết chế xã hội, đan cài và tác động qua lại với các quá trình phát triển kinh tế-xã hội.

Cách tiếp cận này cho phép phân tích văn hóa như động lực của phát triển bền vững, thành phần của giáo dục công dân, công cụ định hướng hành vi kinh tế, hay nền tảng mềm của công nghiệp sáng tạo. Thay vì xem văn hóa là “phần mềm” mơ hồ, xã hội học văn hóa đã chỉ ra cơ chế cụ thể mà qua đó văn hóa ảnh hưởng đến cấu trúc quyền lực, phân tầng xã hội, lựa chọn chính sách, hoặc hành vi tiêu dùng. Nhờ đó, nghiên cứu văn hóa thoát khỏi tính đặc thù nghệ thuật, để hội nhập vào các chiến lược phát triển liên ngành.

Trong báo cáo tại hội thảo “Khu vực học -Việt Nam học: Định hướng nghiên cứu và đào tạo”, Bùi Văn Tuấn và Trần Thị Hiền (2019) không chỉ khảo sát hệ giá trị văn hóa thuần túy, mà còn phân tích sâu mối quan hệ giữa các nhóm giá trị này với chiến lược phát triển kinh tế-xã hội và quá trình hội nhập toàn cầu. Sử dụng lối phân tích hệ thống-cấu trúc của xã hội học, nghiên cứu cho thấy: hệ giá trị truyền thống như “cần cù, tiết kiệm, đoàn kết, nhân ái” đang chịu áp lực mạnh từ các giá trị mới như “năng động, cạnh tranh, tự do cá nhân”, vốn xuất hiện trong các môi trường kinh tế thị trường, giáo dục quốc tế và truyền thông toàn cầu.

Quan trọng hơn, nghiên cứu không dừng ở mức mô tả sự dịch chuyển, mà còn đặt vấn đề: làm thế nào để tích hợp các giá trị truyền thống vào hệ thống giáo dục công dân, chính sách văn hóa, và phát triển nguồn nhân lực trong nền kinh tế sáng tạo? Đây chính là biểu hiện rõ ràng của việc vận dụng tư duy xã hội học để kết nối nghiên cứu văn hóa với lĩnh vực kinh tế và giáo dục một cách chiến lược.

Luận án của Trần Hải Minh (2018) “Biến đổi của diễn xướng nghi lễ lên đồng (qua nghiên cứu trường hợp tỉnh Nam Định)”, mặc dù thuộc chuyên ngành văn hóa học, đã tiếp cận nghi lễ dân gian từ góc nhìn xã hội học về tôn giáo, kinh tế biểu tượng và truyền thông

đại chúng. Nghiên cứu cho thấy rằng thực hành lên đồng không chỉ là biểu hiện tâm linh thuần túy, mà đang trở thành một nghề biểu diễn mang tính chất kinh tế, kết nối với các yếu tố thị trường, truyền thông, du lịch và cả bộ máy quyền lực địa phương. Bằng cách sử dụng phương pháp quan sát tham dự và phỏng vấn sâu, tác giả đã phân tích cụ thể mối quan hệ giữa diễn xướng nghi lễ với cơ chế vận hành của kinh tế lễ hội, truyền thông mạng xã hội và nhu cầu cá nhân hóa trải nghiệm tâm linh. Chính sự can thiệp của truyền thông đã biến nhiều nghi lễ thành “show diễn”, trong khi cơ chế “cúng tiến-thăng đồng” lại chịu ảnh hưởng bởi các quy luật kinh tế thị trường, làm xuất hiện tầng lớp “thầy lễ chuyên nghiệp”.

Đây là một minh chứng sống động cho năng lực của xã hội học trong việc mở rộng nghiên cứu văn hóa ra khỏi phạm vi biểu tượng và nghi lễ, để phân tích sâu các quan hệ kinh tế-truyền thông-quyền lực nằm bên dưới bề mặt văn hóa.

Từ hai ví dụ nêu trên, có thể khẳng định rằng: xã hội học đã mở ra không gian liên ngành cho nghiên cứu văn hóa, cho phép kết nối nó với các mục tiêu phát triển kinh tế, giáo dục đạo đức xã hội, truyền thông đại chúng và quản trị xã hội. Năng lực phân tích cấu trúc và thiết chế của xã hội học tạo điều kiện để văn hóa được nhìn nhận như một nguồn lực xã hội chiến lược, thay vì chỉ là “một phần của kiến trúc thượng tầng” trong quá trình phát triển quốc gia.

3.2. Kết nối nghiên cứu với nhu cầu thực tiễn của cộng đồng

Một trong những yêu cầu cấp thiết của nghiên cứu khoa học hiện đại là khả năng phục vụ và cải thiện đời sống xã hội, đặc biệt trong bối cảnh toàn cầu hóa và đô thị hóa nhanh chóng như hiện nay. Nghiên cứu văn hóa không còn dừng lại ở việc mô tả và lưu giữ những giá trị truyền thống, mà cần hướng tới ứng dụng thực tiễn, đáp ứng nhu cầu bảo tồn di sản sống, phát triển du lịch bền vững, và xây dựng các mô hình nếp sống đô thị lành mạnh.

Chính xã hội học văn hóa với hệ công cụ phân tích hành vi, chuẩn mực, thiết chế và nhu cầu xã hội đã định vị lại vai trò của nghiên cứu văn hóa: không phải như một ngành bảo tồn quá khứ, mà như một hệ thống tri thức phục vụ cho hiện tại và tương lai cộng đồng. Ở đó, văn hóa được hiểu như nguồn lực xã hội sống động, cần phải điều phối, quy hoạch và đồng kiến tạo cùng với người dân.

Đề tài “Nghiên cứu quan hệ cha mẹ-con ở các đô thị Việt Nam hiện nay” (Nguyễn Hữu Minh, 2019) là một ví dụ điển hình cho việc xã hội học văn hóa góp phần xây dựng nếp sống văn minh đô thị trên nền tảng văn hóa gia đình. Bằng việc khảo sát thực địa tại các thành phố lớn như Hà Nội, Đà Nẵng, Thành phố Hồ Chí Minh, nhóm nghiên cứu đã chỉ ra những biến đổi sâu sắc trong cấu trúc quan hệ cha mẹ-con trong gia đình đô thị hiện đại: từ quan hệ thứ bậc sang đối thoại; từ kiểm soát sang thương lượng; và từ định hướng chuẩn mực sang định hướng cảm xúc và học tập kỹ năng sống. Tuy nhiên, chính trong quá trình chuyển đổi đó cũng nảy sinh hàng loạt hệ lụy: mâu thuẫn thế hệ, khủng hoảng giá trị,

và đặc biệt là sự lệch pha giữa hành vi giáo dục trong gia đình và kỳ vọng về văn minh công cộng ngoài xã hội.

Đề tài không chỉ dừng lại ở việc mô tả, mà còn phân tích nguyên nhân xã hội (áp lực kinh tế, mạng xã hội, thiếu không gian công cộng) và kiến nghị chính sách về xây dựng văn hóa ứng xử đô thị từ cấp gia đình đến trường học và cộng đồng địa phương.

Bên cạnh đó, luận án tiền sử văn hóa học của Nguyễn Thị Bích Thủy (2015) “Sự biến đổi văn hóa làng nghề truyền thống ở Hà Nội hiện nay (qua trường hợp làng Triều Khúc và Thiết Ứng)” không chỉ dừng lại ở việc mô tả các giá trị văn hóa nghề thủ công, mà còn vận dụng các phương pháp điều tra xã hội học (phỏng vấn sâu, quan sát tham dự, khảo sát hộ dân) để phân tích các biến đổi trong hành vi sản xuất, quan hệ thể hệ, cũng như mối liên hệ giữa giá trị truyền thống với nhu cầu thị trường và đô thị hóa. Quan trọng hơn, tác giả đã chỉ ra những thách thức cụ thể mà cộng đồng làng nghề đang đối mặt như khủng hoảng nhân lực trẻ, suy giảm tính cộng đồng, thương mại hóa lễ hội làng nghề, và mất dần không gian sáng tạo văn hóa. Trên cơ sở đó, luận án kiến nghị các giải pháp bảo tồn văn hóa gắn với phát triển sinh kế. Đây chính là kiểu nghiên cứu mà xã hội học văn hóa hướng tới: không chỉ lý giải được hiện tượng, mà còn góp phần giải quyết các vấn đề thực tiễn của cộng đồng, đặt người dân vào vị trí trung tâm trong việc bảo tồn và phát triển văn hóa.

Hai nghiên cứu trên cho thấy: xã hội học văn hóa không chỉ giúp hiểu “văn hóa là gì”, mà còn giúp trả lời “văn hóa phục vụ ai, và phục vụ như thế nào”. Nhờ khả năng gắn bó với thực tiễn, xã hội học đã đưa nghiên cứu văn hóa thoát khỏi hướng hàn lâm, để bước vào đời sống, nơi mà các cộng đồng thực sự cần những giải pháp cụ thể để gìn giữ bản sắc, nuôi dưỡng mối liên kết xã hội và kiến tạo tương lai bền vững.

4. Kết luận

Xã hội học đã và đang góp phần quan trọng làm phong phú, nâng cao hiệu quả và mở rộng không gian tư duy cho nghiên cứu văn hóa ở Việt Nam hiện nay. Với ba đóng góp nổi bật: 1) cung cấp hệ khái niệm và phương pháp xã hội học hiện đại; 2) cung cấp cơ sở thực tiễn để theo dõi và phân tích biến đổi văn hóa trong các bối cảnh xã hội cụ thể; và 3) gắn kết chặt chẽ nghiên cứu văn hóa với thực tiễn đời sống cộng đồng, xã hội học đã trở thành một nguồn lực học thuật quan trọng song hành cùng văn hóa học. Xã hội học góp phần bổ sung các công cụ khoa học, làm rõ hơn mối quan hệ giữa văn hóa và các thiết chế xã hội như kinh tế, giáo dục, truyền thông, đô thị hay chính sách công, mà không làm lu mờ bản sắc riêng của nghiên cứu văn hóa. Nhờ đó, nghiên cứu văn hóa không chỉ tiếp tục khẳng định thế mạnh trong việc khám phá chiều sâu biểu tượng và giá trị, mà còn được đặt trong tương quan hệ thống với các quá trình xã hội rộng lớn hơn. Có thể khẳng định, xã hội học không thay thế nghiên cứu văn hóa, mà chính là người bạn đồng hành học thuật, giúp định vị lại văn hóa như một nguồn lực xã hội năng động, giàu tính kết nối và có khả năng đóng góp thiết thực vào phát triển bền vững.

Tài liệu tham khảo

- Bourdieu, Pierre. 1990. *The Logic of Practice*. Stanford University Press.
- Bùi Văn Tuấn & Trần Thị Hiền. 2019. *Hệ giá trị con người Việt Nam trong thời kỳ công nghiệp hóa-hiện đại hóa và hội nhập quốc tế*. Kỷ yếu Hội thảo “Khu vực học-Việt Nam học”. Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội. 711-735.
- Đinh Thị Vân Chi. 2001. *Nhu cầu giải trí của thanh niên (Nghiên cứu khuôn mẫu giải trí của thanh niên và sự đáp ứng nhu cầu giải trí tại Hà Nội)*. Luận án tiến sĩ Xã hội học. Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Đinh Thị Vân Chi. 2003. *Nhu cầu giải trí của thanh niên*. Hà Nội: Nhà xuất bản Văn hóa - Thông tin.
- Đoàn Văn Chúc. 1997. *Xã hội học văn hóa*. Hà Nội: Nhà xuất bản Văn hóa - Thông tin.
- Dumazedier, J. 1962. *Vers une civilisation du loisir*. Paris: Éditions du Seuil.
- Durkheim, Emile. 1951. *Suicide: A Study in Sociology*. J.A. Spaulding & G. Simpson dịch. Free Press. (Xuất bản lần đầu 1897).
- Lê Thị Mai. 2004. *Chợ nông thôn châu thổ sông Hồng trong quá trình chuyển đổi kinh tế-xã hội thời kỳ Đổi Mới (Nghiên cứu trường hợp chợ Ninh Hiệp, Hữu Bằng, Thổ Tang)*. Luận án tiến sĩ. Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Mai Văn Hai. 2009. *Xã hội học văn hóa*. Hà Nội: Nxb Chính trị Quốc gia.
- Nguyễn Duy Hải & Hà Trọng Nghĩa. 2017. Giá trị xã hội Việt Nam trong bối cảnh hội nhập - Nhìn từ quan điểm hệ thống-cấu trúc. *Tạp chí Khoa học Đại học Văn Hiến*, số 5(3): 111-128.
- Nguyễn Đức Chiện & Lê Thị Hồng Gái. 2024. Ảnh hưởng của gia đình, dòng họ và nhân vật có uy tín đến các giá trị văn hóa cộng đồng tiêu biểu trong xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Đắk Nông. *Tạp chí Lý luận Chính trị*.
- Nguyễn Hữu Minh (Chủ nhiệm). 2019. *Nghiên cứu quan hệ cha mẹ-con ở các đô thị Việt Nam hiện nay*. Đề tài cấp Nhà nước. Viện Xã hội học Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.
- Nguyễn Thị Bích Thủy. 2015. *Sự biến đổi văn hóa làng nghề truyền thống ở Hà Nội hiện nay (qua trường hợp làng Triều Khúc và Thiết Ống)*. Luận án tiến sĩ văn hóa học. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.
- Nguyễn Thị Hằng. 2023. *Thực hành văn hóa của cư dân tại khu tái định cư ven biển Kỳ Anh sau quá trình chuyển giao đất*. Luận án tiến sĩ Văn hóa học, Trường Đại học Văn hóa Hà Nội.
- Nguyễn Thị Hiền. 2019. *Tác động của thực hành tín ngưỡng và hoạt động lễ hội đến lối sống người Việt Nam hiện nay* (Đề tài cấp Bộ, 9/2012-9/2013). Viện Văn hóa Nghệ thuật Quốc gia Việt Nam; Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Nxb. Văn hóa Dân tộc. ISBN 978-6047026791.
- Nguyễn Thị Kim Hoa. 2019. *Văn hóa ứng xử với người đã mất trong đời sống gia đình hiện nay ở TP. Hồ Chí Minh*. Luận án tiến sĩ Xã hội học, Học viện Khoa học xã hội, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.
- Trần Hải Minh. 2018. *Biến đổi của diễn xướng nghi lễ lên đồng (qua nghiên cứu trường hợp tỉnh Nam Định)*. Luận án tiến sĩ văn hóa học. Trường Đại học Văn hóa Hà Nội.
- Trịnh Văn Tùng. 2015. *Giáo trình xã hội học đại cương*. Hà Nội: Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Trịnh Văn Tùng. 2022. Văn hóa ứng xử nơi công cộng của người Việt Nam hiện nay. *Tạp chí Xã hội học*, số 4(160), tr. 3-15.

Trương Xuân Trường. 2018. Ứng dụng khái niệm *habitus* của Bourdieu trong phân tích xã hội Việt Nam. *Tạp chí Xã hội học*, số 3(152), tr. 66-78.

Trương Xuân Trường. 2019. Vai trò của văn hóa trong phát triển nông thôn ở Việt Nam. *Tạp chí Cộng sản*, số 923, tr. 45-52.

Weber, Max. 1978. *Economy and Society*. University of California Press.